

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày : 11 - 5- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hồng Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2022/TLST- HS, ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình B, sinh ngày 01/6/1999 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh B1 và bà Trần Thị B2; vợ là Lê Thị T, có 01 con sinh năm 2019; tiền sự: Không, tiền án: Ngày 09/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/3/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị B2, sinh năm 1969, nơi cư trú: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người làm chứng: Chị Lê Thị T, sinh năm 1998; nơi cư trú thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Thanh B1 được Ủy Ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định trao tiền đền bù đất ở và đất bờ với tổng số tiền là 993.996.000 đồng (chín trăm chín mươi ba triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng), tiền đền bù mồ mả là 61.266.547 đồng (sáu mươi một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng). Sau khi sử dụng vào công việc cá nhân, ông B1 cùng vợ là bà Trần Thị B2 cất giấu số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) trên trần thạch cao tại phòng thờ trong nhà của mình và có nói cho con trai là Nguyễn Đình B biết. Vào khoảng tháng 9/2021, do thiếu tiền để chi tiêu nên Nguyễn Đình B nảy sinh ý định lấy trộm số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nêu trên của vợ chồng ông B1. Sau đó B một mình trèo lên bàn thờ rồi tháo tấm thạch cao lấy trộm toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), rồi lắp lại tấm thạch cao vào vị trí cũ. Đến ngày 13/10/2021, ông B1 đi lên phòng thờ để lấy tiền sử dụng vào công việc riêng thì phát hiện bị mất số tiền mặt 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nói trên. Ngày 14/10/2021 ông B1 đến Công an xã P báo cáo sự việc. Sau khi cơ quan điều tra làm việc với ông B1 thì Nguyễn Đình B đến gặp bà B2 để thừa nhận việc mình đã lấy trộm số tiền nêu trên và trả lại cho bà B2 số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), còn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) B đã sử dụng hết.

Ngày 20/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T triệu tập Nguyễn Đình B để làm việc. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đình B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Đình B đã trả lại số tiền còn lại là 30.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh B1 và bà Trần Thị B2, ông B1 và bà B2 đã làm đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Đình B.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-TP ngày 21 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại, được người bị hại viết đơn bãi nại, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52,

khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian và tài sản bị mất trộm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Đình B là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi biết rằng trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính lười biếng, xem thường pháp luật nên vào khoảng tháng 9 năm 2021 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của cha mẹ bị cáo là ông Nguyễn Thanh B1 và bà Trần Thị B2 cất giấu trên trần thạch cao tại phòng thờ của gia đình bị cáo. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thỏa mãn các dấu hiệu của tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp

luật hình sự và lên một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vào ngày 09/6/2020 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện t, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chấp hành xong hình phạt vào ngày 15/3/2021 chưa được xóa án tích, nhưng đến tháng 9 năm 2021 bị cáo lại tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại, được người bị hại viết đơn bãi nại và tại phiên tòa người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ được UBND xã P xác nhận, người bị hại trong vụ án là cha mẹ ruột của bị cáo nên khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[5] Xét những chứng cứ mà kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là phù hợp. Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là cao hơn nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã trả lại đủ số tiền cho ông B1, bà B2. Ông B1, bà B2 đã làm đơn bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 01 (một) năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/5/2022).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- *CQ CSĐT và CQ THAHS CA H. Tuy Phước;*
- *VKSND huyện Tuy Phước;*
- *VKSND tỉnh Bình Định;*
- *Phòng KTNV và THAHS TAND T. Bình Định;*
- *Chi cục THADS huyện Tuy Phước;*
- *Sở tư pháp tỉnh Bình Định;*
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quý Phúc

